

Số: *4673* /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *14* tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại các Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 và Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND ngày 10/1/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 232/2015/NQ-HĐND về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2015/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung một số nội dung vào Nghị quyết số 232/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND ngày 10/1/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ninh tại Tờ trình số 3637/TTr-NNPTNT ngày 24/10/2018; Báo cáo thẩm định số 1388/STP-VB&TDTHPL ngày 12/10/2018 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại các Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 và Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND ngày 10/1/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh

V/v ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

a/ Bổ sung khoản 1, Điều 3 đối tượng và lĩnh vực hỗ trợ cụm từ sau "Với chủ phương tiện hoạt động thủy sản có công suất dưới 90CV thực hiện đầu tư, nâng cấp đáp ứng hoạt động khai thác thủy sản theo quy định, hoặc đầu tư chuyển đổi nghề khác phải có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và thuộc danh mục rà soát của các địa phương và sở chuyên ngành đến hết ngày 30/4/2018 (không áp dụng cho các phương tiện hoạt động thủy sản phát sinh sau thời điểm rà soát)".

b/ Bổ sung điểm 2.8, khoản 2, Điều 3 đối tượng và lĩnh vực hỗ trợ như sau: "2.8. Đầu tư cơ sở vật chất và vốn lưu động để chuyển đổi nghề (không phải nghề khai thác thủy sản); đầu tư cải hoán, nâng cấp tàu đáp ứng hoạt động khai thác thủy sản theo quy định".

Bổ sung phụ lục: Danh mục nội dung các lĩnh vực hỗ trợ lãi suất (Kèm theo Quyết định 4204/2015/QĐ-UBND: Tại mục 8 với lĩnh vực đầu tư cải hoán nâng cấp tàu dưới 90CV đáp ứng hoạt động khai thác thủy sản theo quy định; nội dung cụ thể: Đầu tư nâng cấp tàu, cải hoán tàu; mua ngư cụ, thiết bị khai thác; thiết bị liên lạc, trang thiết bị an toàn trên tàu, máy móc, thiết bị lắp đặt trên tàu phục vụ khai thác thủy sản để tiếp tục hoạt động tàu khai thác thủy sản có công suất từ 30CV đến dưới 90CV.

c/ Sửa đổi Điều 8. Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất, như sau: "Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất: Nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho chương trình xây dựng nông thôn mới và kinh phí ngân sách cấp huyện".

d/ Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

Sửa đổi khoản 2 thành: Ngân hàng Nhà nước tỉnh hướng dẫn kiểm tra việc cho vay của các tổ chức tín dụng; Hàng quý báo cáo kết quả và đánh giá tình hình cho vay nông nghiệp nông thôn gửi về Ban Xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp chung.

Bổ sung, sửa đổi khoản 4 thành: "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn sản xuất thực hiện, áp dụng quy trình kỹ thuật trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá. Giới thiệu các mô hình sản xuất có hiệu quả, hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất và hỗ trợ kỹ thuật nông nghiệp cho các địa phương. Hướng dẫn và tổng hợp kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng thực hiện chuyển đổi nghề cho chủ phương tiện hoạt động thủy sản có công suất dưới 90CV, gửi Ban Xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp chung".

2. Bãi bỏ khoản 4, Điều 1 Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND ngày 10/1/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v

ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Xử lý chuyển tiếp: Các hợp đồng tín dụng ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực còn dư nợ trong hạn, có đối tượng và lĩnh vực phù hợp với chính sách tại Quyết định này được hưởng các nội dung của chính sách này đối với phần dư nợ còn lại kể từ khi Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2018. Các nội dung khác thực hiện theo các Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 102/2017/QĐ-UBND ngày 10/1/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh V/v ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Các Sở, Ban, Ngành được giao nhiệm vụ theo các quyết định trên mà có nội dung điều chỉnh tại Quyết định này, tiếp tục hướng dẫn bổ sung để triển khai thực hiện Quyết định này (thời gian hoàn thành hướng dẫn trước ngày 28/11/2018).

Điều 3. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Xây dựng Nông thôn mới, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *TH*

Nơi nhận:

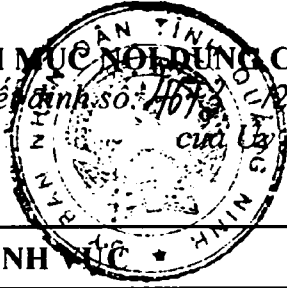
- Bộ KHĐT, Nông nghiệp PTNT,
- Bộ Tài Chính, Ngân hàng Nhà nước VN (b/c)
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin VP UBND tỉnh;
- V0-3, NLN1,3, TM3;
- Lưu: VT, NLN3 (10b, QĐ 04/11).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Huy Hậu

PHỤ LỤC:
DANH MỤC NỘI DUNG CÁC LĨNH VỰC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
 (Kèm theo Quyết định số 4673/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018
 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	LĨNH VỰC	NỘI DUNG CỤ THỂ
8	Lĩnh vực đầu tư cơ sở vật chất, vốn lưu động để chuyển đổi nghề (không phải nghề khai thác thủy sản)	Đầu tư cơ sở vật chất và vốn lưu động để thực hiện phương án nuôi trồng, chế biến thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, các loại hình dịch vụ... và các nghề khác được phép hoạt động.
	Lĩnh vực đầu tư cải hoán, nâng cấp tàu đáp ứng hoạt động khai thác thủy sản theo quy định	Đầu tư nâng cấp tàu, cải hoán tàu; mua ngư cụ, thiết bị khai thác; thiết bị thông tin liên lạc, trang thiết bị an toàn trên tàu, máy móc, thiết bị lắp đặt trên tàu phục vụ khai thác thủy sản để tiếp tục hoạt động tàu khai thác thủy sản có công suất từ 30 CV đến dưới 90 CV.